

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST

Ngày: 15 – 8 – 2025

*“Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản là hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đồng .

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2024/TLST-DS, ngày 30/10/2024, về việc *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản là hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 07/TB-TA, ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Sau đây viết tắt là Công ty T1); trụ sở tại: Lầu A, Tòa nhà C, số G, đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh (phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh cũ).

- Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty T1: Ông Narita C, chức vụ: Tổng giám đốc Công ty T1. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Hoàng P, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số B, đường Đ, phường B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Trương Thị Cẩm V, sinh năm 1985 và ông Lê Nho C1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Điều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Công ty T1 do ông Lê Hoàng P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 28/11/2022; Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã xác lập hợp đồng tín dụng số 850080003306258000. Theo đó Công ty T1 đã cho bà V, ông C1 vay tổng số tiền là 777.000.000đồng; thỏa thuận lãi suất tính từ ngày 28/11/2022 là 10,6464%/năm và tính từ ngày 02/01/2024 là 13,5600%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ theo tháng, mỗi kỳ là 16.769.166đồng, kỳ cuối là 18.314.380đồng, ngày trả nợ kỳ đầu tiên là ngày 02/01/2023, ngày trả nợ kỳ cuối là ngày 30/11/2027; ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về phương thức giải ngân, việc thanh toán khoản vay, việc chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn, việc tắt toàn trước hạn, việc đảm bảo thực hiện hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên, thông tin các bên sử dụng, việc chuyển nhượng và thế chấp, việc giải quyết tranh chấp và các điều khoản khác đã được ghi nhận trong văn bản Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000 mà bên nguyên đơn đã cung cấp trong hồ sơ vụ án.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng này; cùng ngày 28/11/2022; Công ty T1 và bà V, ông C1 đã xác lập hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 850080003306258000 – HĐTC. Theo đó bà V, ông C1 thế chấp 01 xe ô tô hiệu KIA SORENTO MQ4 2.2 DCT FL7-01, có số khung là RNYRE52D8NC282910, số máy là D4HENH315453, Biển kiểm soát là 86A-220.52; để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và toàn bộ chi phí khác phát sinh trong hợp đồng và trong việc xử lý tài sản bảo đảm. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về vật phụ, quyền và nghĩa vụ của các bên, việc xử lý tài sản thế chấp, việc giải quyết tranh chấp và hợp đồng theo nội dung trong văn bản Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 850080003306258000 – HĐTC mà bên nguyên đơn đã cung cấp trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng; bà V, ông C1 đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng; đến ngày 13/5/2024, bà V, ông C1 chỉ thanh toán với số tiền 268.598.575 đồng (Gồm 165.535.125đồng tiền gốc, 102.631.334đồng lãi trong hạn, 252.116đồng lãi quá hạn và 180.000đồng tiền phí theo hợp đồng). Từ sau ngày 13/5/2024; bà V, ông C1 không thực hiện trả tiền vay, tiền lãi và phí. Vì vậy hiện nay Công ty J yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà V, ông C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T1 tổng số tiền là 710.304.548đồng; trong đó gồm: 611.464.875đồng tiền gốc, 86.535.605đồng lãi trong hạn, 12.148.068đồng lãi quá hạn và 156.000đồng tiền phí.

- Trường hợp bà V, ông C1 chậm hoặc không thanh toán 710.304.548đồng thì thì yêu cầu giải quyết phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô hiệu KIA SORENTO MQ4 2.2 DCT FL7-01 nêu trên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà V, ông C1.

- Buộc bà V, ông C1 tiếp tục thanh toán cho Công ty T1 tiền lãi chậm trả phát sinh sau khi giải quyết xong vụ án, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2022.

Ngoài ra, bên nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

[2]. Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án; bị đơn bà Trương Thị Cẩm V trình bày:

Bà Trương Thị Cẩm V và ông Lê Nho C1 là vợ chồng. Bà V thừa nhận: bà V, ông C1 và Công ty T1 đã tự nguyện xác lập hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay như nội dung trong văn bản Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2022 và văn bản Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 850080003306258000 – HĐTC, ngày 28/11/2022 mà bên nguyên đơn Công ty T1 đã cung cấp trong hồ sơ vụ án; Sau khi vay tài sản; bà V, ông C1 chỉ thanh toán với số tiền 268.598.575 đồng (Gồm 165.535.125 đồng tiền gốc, 102.631.334 đồng tiền lãi trong hạn, 252.116 đồng tiền lãi quá hạn và 180.000 đồng tiền phí theo hợp đồng); Từ sau ngày 13/5/2024, bà V, ông C1 không trả tiền vay, tiền lãi và phí. Do đó hiện nay bà V chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1; đồng ý liên đới cùng ông C1 trả cho Công ty T1 611.464.875 đồng tiền gốc và tiền lãi, tiền phí phát sinh trong hợp đồng theo yêu cầu của Công ty T1. Ngoài ra bà V không có yêu cầu gì trong vụ án.

[3]. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng hợp đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bị đơn ông Lê Nho C1; tuy nhiên ông C1 không chấp hành theo giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của tòa án, không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông C1 liên quan trong vụ án.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1; 01 Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty T1 số 80, ngày 25/3/2015; 01 văn bản Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2024; 01 Phụ lục hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2024; 01 Giấy đề nghị vay kiêm phương án vay vốn; 01 văn bản Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 850080003306258000-HĐTC, ngày 28/11/2024; 01 Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên (Tất cả đều là bản chứng thực).

[5]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1; Buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 611.464.875 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/5/2024 cho đến nay; Công ty T1 được quyền xử lý xe ô tô hiệu KIA SORENTO MQ4 2.2 DCT FL7-01, có số khung là RNYRE52D8NC282910, số máy là D4HENH315453, Biển kiểm soát là 86A-220.52 để thu hồi nợ vay; buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án; trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T1 là ông Lê Hoàng P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn Công ty T1, yêu cầu giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã xác lập vào năm 2022; ngoài ra, không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản là hợp đồng tín dụng*”, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các bị đơn đều có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Đối với yêu cầu của Công ty T1 về việc giải quyết buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T1 611.464.875 đồng tiền vay gốc. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1.1]. Nguyên đơn Công ty T1 và bị đơn bà Trương Thị Cẩm V đều thừa nhận: Vào ngày 28/11/2022; Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã tự nguyện xác lập hợp đồng tín dụng theo đúng nội dung trong văn bản Hợp đồng tín dụng số

850080003306258000, ngày 28/11/2022 mà Công ty T1 đã cung cấp trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định được: ngày 28/11/2022, Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã tự nguyện xác lập hợp đồng tín dụng này.

[3.1.2]. Các bên tham gia giao kết, xác lập hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật; hợp đồng đã được lập thành văn bản. Do đó, Hợp đồng tín dụng mà Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã xác lập ngày 28/11/2022 đã đầy đủ điều kiện hiệu lực theo quy định tại các Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.1.3]. Nguyên đơn Công ty T1 và bị đơn bà Trương Thị Cẩm V đều thừa nhận: Từ ngày 14/5/2024 cho đến nay; bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 không trả tiền vay gốc cho Công ty T1 và hiện nay còn nợ của Công ty T1 611.464.875 đồng tiền vay gốc. Do đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay bà V, ông C1 còn nợ của Công ty T1 611.464.875 đồng tiền vay gốc. Vì vậy, yêu cầu của Công ty T1 về việc giải quyết buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T1 611.464.875 đồng tiền gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.2]. Đối với yêu cầu của Công ty T1 về việc giải quyết buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T1 86.535.605 đồng tiền lãi trong hạn, 12.148.068 đồng tiền lãi quá hạn và 156.000 đồng tiền phí. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.2.1]. Theo văn bản Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2022 mà bên nguyên đơn đã cung cấp, thể hiện: các bên có thỏa thuận trả lãi với mức lãi suất trong hạn là 13,56%/năm, tương ứng 1,13%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và kỳ hạn trả nợ hàng tháng với mỗi kỳ là 16.769.166 đồng, kỳ cuối là 18.314.380 đồng; đồng thời các bên có thỏa thuận trả phí. Do đó hợp đồng tín dụng mà Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã xác lập là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn; đồng thời mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực.

[3.2.2]. Bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay từ ngày 14/5/2024. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình: bà V, ông C1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 13,56%/năm trong hạn, tương ứng 1,13%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tương ứng với thời gian chậm trả; đồng thời có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 tiền phí quản lý khoản vay theo hợp đồng.

[3.2.3]. Khoản tiền lãi trong hạn 86.535.605 đồng, khoản tiền lãi quá hạn 12.148.068 đồng, khoản tiền phí 156.000 đồng mà Công ty T1 đã kê khai và yêu cầu buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ trả là phù hợp với mức lãi suất, kỳ

hạn trả nợ, phí mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng; phù hợp với quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 8, 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó yêu cầu của Công ty T1 về việc buộc bà V, ông C1 trả các khoản lãi và phí này là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.3]. Đối với yêu cầu của Công ty T1 về việc giải quyết buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T1 tiền lãi chậm thi hành sau khi giải quyết xong vụ án, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2022. Hội đồng xét xử xét nhận định:

Hợp đồng tín dụng mà Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã xác lập là hợp đồng có lãi với lãi suất trong hạn là 13,56%/năm, tương ứng 1,13%/tháng và mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó, căn cứ Điều 357, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong; bà V, ông C1 có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 20,34%/năm, tương ứng 1,695%/tháng. Vì vậy yêu cầu của Công ty T1 về việc buộc bà V, ông C1 trả lãi chậm thi hành là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.4]. Đối với yêu cầu của Công ty T1 về việc giải quyết xử lý 01 chiếc xe ô tô hiệu KIA SORENTO MQ4 2.2 DCT FL7-01, có số khung là RNYRE52D8NC282910, số máy là D4HENH315453, Biển kiểm soát là 86A-220.52, để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 cho Công ty T1. Hội đồng xét xử xét nhận định:

[3.4.1]. Nguyên đơn Công ty T1 và bị đơn bà Trương Thị Cẩm V đều thừa nhận: Vào ngày 28/11/2022; Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã tự nguyện xác lập hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay theo đúng nội dung trong văn bản Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay (động sản) số 850080003306258000 – HĐTC, ngày 28/11/2022 mà Công ty T1 đã cung cấp trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định được: ngày 28/11/2022, Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã tự nguyện xác lập Hợp đồng tín dụng này.

[3.4.2]. Các bên tham gia giao kết, xác lập hợp đồng đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật; hợp đồng đã được lập thành văn bản. Do đó, hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay mà Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã xác lập ngày 28/11/2022, đã đầy đủ điều kiện hiệu lực theo quy định tại các Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.4.3]. Trong hợp đồng thế chấp mà Công ty T1 và bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 đã xác lập ngày 28/11/2022, các bên thỏa thuận: bà V, ông C1 thế chấp 01 chiếc xe ô tô hiệu KIA SORENTO MQ4 2.2 DCT FL7-01, có số khung là

RNYRE52D8NC282910, số máy là D4HENH315453, Biên kiểm soát là 86A-220.52, để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ phát sinh trong Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2022 mà các bên đã xác lập; trường hợp bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng thì bên thế chấp có nghĩa vụ bàn giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp, bên nhận thế chấp có quyền nhận tài sản thế chấp để thay thế nghĩa vụ trả nợ hoặc bán tài sản thế chấp theo phương thức do bên nhận thế chấp quyết định hoặc xử lý bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật. Tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 850080003306258000, ngày 28/11/2022 mà các bên đã xác lập, các bên cũng thỏa thuận: Nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng thì bên có vay có quyền thu hồi, xử lý hàng hóa thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu của Công ty T1 về việc xử lý chiếc xe ô tô nêu trên để thi hành nghĩa vụ trả tiền của bà V, ông C1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 292, 299, 301, 303, 317, khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, do đó được chấp nhận.

[4]. *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 được chấp nhận toàn bộ nên cần căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án. Trả lại cho Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. *Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Lâm Đồng*: Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 117; các Điều 292, 299, 301, 303, 317; khoản 6 Điều 320; khoản 1 Điều 351; các Điều 357, 463; các khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 90, 91, 95 và điểm d khoản 1 Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 8, 9 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 Jaccs:

Buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 Jaccs tổng số tiền là 710.304.548đồng (*Bảy trăm mười triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng*); trong đó gồm: 611.464.875đồng tiền vay gốc, 86.535.605đồng tiền lãi trong hạn, 12.148.068đồng tiền lãi quá hạn và 156.000đồng tiền phí.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 20,34%/năm, tương ứng 1,695%/tháng.

Trường hợp bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ giao 01 chiếc xe ô tô hiệu KIA SORENTO MQ4 2.2 DCT FL7-01, có số khung là RNYRE52D8NC282910, số máy là D4HENH315453, Biển kiểm soát là 86A-220.52 cho Công ty T1 Jaccs để xử lý; Công ty T1 Jaccs có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô này để thi hành nghĩa vụ trả tiền nêu trên của bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thi hành nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ trả số tiền còn lại cho đến khi thi hành hết nghĩa vụ. Trường hợp sau khi thi hành nghĩa vụ trả tiền nêu trên mà số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm còn thừa thì trả lại số tiền còn thừa cho bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1.

[2]. Về án phí:

Buộc bà Trương Thị Cẩm V, ông Lê Nho C1 có nghĩa vụ liên đới nộp 32.412.000đồng (*Ba mươi hai triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty T1 Jaccs 14.820.000đồng (*Mười bốn triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006316, ngày 30/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng).

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 16, Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS Khu vực 16, Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ VA, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Khánh

